

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/04/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thu Ba**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Đặng Ngọc Thúy**  
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Công Hồng Lĩnh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Minh Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/03/2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T** - Sinh năm: 1972 - Địa chỉ: 748/23 đường Trần Cao V, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình Trung** – Sinh năm: 1958 - Địa chỉ: K58/5E Dững Sỹ Thanh Khê, quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng. Theo văn bản ủy quyền số 3511 ngày 18/09/2023. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị T là ông **Trần Văn Hòa** – Luật sư Công ty luật TNHH An Mỹ - Địa chỉ: 206 đường Huỳnh Ngọc Huệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

\* *Bị đơn:* Ông **Trần Văn N** - Sinh năm 1960 - Địa chỉ: Tổ 7, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn Công Bằng** – Sinh năm: 1988 – Địa chỉ: 242/4 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê,

thành phố Đà Nẵng. Theo văn bản ủy quyền số 286 ngày 04/4/2023. Vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn N là ông **Trần Ngọc Anh** – Luật sư Công ty luật Quảng Đà. Vắng mặt không có lý do.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm: 1942 – Địa chỉ: 748/23 đường Trần Cao V, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thí là ông **Nguyễn Đình Trung** – Sinh năm: 1958. Theo văn bản ủy quyền số 340 ngày 01/08/2023. Có mặt.

2/ Ông **Trần Quốc N** – Sinh năm: 2000- Địa chỉ: 748/23 đường Trần Cao V, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Bà **Trần Phương K** – Sinh năm: 2002 – Địa chỉ: 748/23 đường Trần Cao V, phường Xuân H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

*\* Người làm chứng:*

1/ Ông **Hồ Văn H** – Địa chỉ: K814/H35/5 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

2/ Ông **Trương Thế H** – Địa chỉ: K748A/08 đường Trần Cao V, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

3/ Bà **Nguyễn Thị Diệu T** – Địa chỉ: K748/22 đường Trần Cao V, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

4/ Ông **Trần Văn B** – Địa chỉ: K748A/3 đường Trần Cao V, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và bản trình bày ngày 28/4/2023 nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

\* Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Trần Văn N chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết tại UBND thành phố Đà Nẵng vào ngày 04/03/2011.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N đi làm ăn xa về đánh đập bà T, dùng dao đe dọa, ngoài ra ông N còn có quan hệ lung tung bên ngoài. Hiện nay bà T không còn yêu thương gì ông N nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N.

\* Về con chung: Bà T và ông N có 03 con chung tên Trần Quốc N – Sinh năm: 2000, Trần Phương K – Sinh năm: 2002 và Trần Quốc T – Sinh ngày: 17/11/2010.

Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc T cho đến tuổi thành niên và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Đối với con chung Trần Quốc N và Trần Phương K đã đủ 18 tuổi nên thích sống với cha hay mẹ là do các con quyết định.

\* Về tài sản chung: Bà T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của ông Trần Văn N là nhà và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 1 địa chỉ số K748/23 đường Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 244318 ngày 27/06/2022 do Sở Tài Nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Lê Thị T. Ngày 26/01/2024 bà Lê Thị T tặng cho ông Trần Quốc N – Sinh năm 2000 và bà Trần Phương K – Sinh năm 2002 theo hồ sơ số 274516.TA.001.

Ông N đề nghị giao nhà và đất trên cho bà T sở hữu và sử dụng, bà T có trách nhiệm thối trả lại cho ông N ½ tài sản bằng giá trị. Bà T không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của ông N vì cho rằng vợ chồng không có tài sản chung.

\* Về nợ chung: Bà Lê Thị T xác định không có.

**Tại phiên tòa ông Nguyễn Đình Trung trình bày:**

Ông Nguyễn Đình Trung thống nhất với bản trình bày của bà Lê Thị T không bổ sung gì thêm về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung.

Đối với quan hệ về tài sản chung: Do đại diện theo ủy quyền của ông Nhất đã rút đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung, ông Nguyễn Đình Trung đại diện cho bà T không có ý kiến gì.

**Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bà Lê Thị T:** Ông Trần Văn Hòa thống nhất với bản trình bày của bà Lê Thị T không bổ sung gì thêm.

**Theo văn bản ngày 14/4/2023 ông Trần Văn N trình bày:**

\* Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn N thống nhất với bà T về thời gian và điều kiện kết hôn. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông N thì ông N thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của bà T.

\* Về con chung: Ông Trần Văn N thống nhất giao con chung tên Trần Quốc T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Ông N cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000đ/tháng thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Trần Quốc N và Trần Phương K đã đủ 18 tuổi nên thích sống với cha hay mẹ là do các con quyết định.

\* Về tài sản chung: Ngày 17/03/2023 ông Trần Văn N có đơn yêu cầu khởi kiện đề nghị chia nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 244318, số vào sổ cấp GCN CTs 240133 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/06/2022.

Ngày 09/4/2024 ông Trần Văn Công Bằng đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 244318, số vào sổ cấp GCN CTs 240133 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/06/2022 cho bà Lê Thị T. Ngày 26/01/2024 bà Lê Thị T tặng cho ông Trần Quốc N – Sinh năm 2000 và bà Trần Phương K – Sinh năm 2002 theo hồ sơ số 274516.TA.001.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:***

\* Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

\* Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao con chung tên Trần Quốc T – Sinh ngày: 17/11/2010 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000đ/tháng thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Trần Quốc N và Trần Phương K đã đủ 18 tuổi nên thích sống với cha hay mẹ là do các con quyết định.

Về tài sản chung: Ngày 09/4/2024 ông Trần Văn Công Bằng đại diện theo ủy của bị đơn ông Trần Văn N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 244318, số vào sổ cấp GCN CTs 240133 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/06/2022 cho bà Lê Thị T. Ngày 26/01/2024 bà Lê Thị T tặng cho ông Trần Quốc N – Sinh năm 2000 và bà Trần Phương K – Sinh năm 2002 theo hồ

sơ số 274516.TA.001; áp dụng Điều 217 BLTTDS đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc chia tài sản chung của ông Trần Văn N. Về nợ chung nguyên đơn xác định không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **A. Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với bị đơn là ông Trần Văn N, hiện ông N có giấy miễn thị thực N<sup>0</sup>.CA0216932 số 025326137 có giá trị đi lại Quốc tế, ngày 20/02/2023 Công an phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xác nhận ông Trần Văn N có đăng ký lưu trú tại địa chỉ K748/23 đường Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng từ ngày 16/02/2023 đến ngày 01/04/2023, nên vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/03/2023 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Thị T và ông Trần Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T và ông Trần Văn N.

**B. Về nội dung vụ án:** Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung của bà Lê Thị T đối với ông Trần Văn N HĐXX thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn N chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến ngày 04/03/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không đồng quan điểm sống. Hiện nay bà T và ông N đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N. Về phía ông Nhất thống nhất thuận tình ly hôn với bà T.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “...Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Theo đó, việc sống chung với nhau vừa là quyền, cũng là nghĩa vụ giữa vợ chồng, hiện nay bà

Tuyết và ông Nhất đã sống ly thân, việc ai người đó làm, không quan tâm gì đến nhau, ông Trần Văn N thống nhất thuận tình ly hôn với bà Tuyết. Do đó, xét yêu cầu của bà Lê Thị T xin được ly hôn với ông Trần Văn N là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu của bà Tuyết được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc T – Sinh ngày: 17/11/2010 cho đến tuổi thành niên và yêu cầu ông Nt cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Văn N thống nhất với yêu cầu của bà Tt về vấn đề con chung và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

HĐXX thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của con chung. Hiện con chung đang ở với bà Tuyết, được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, HĐXX xét thấy việc giao con chung tên Trần Quốc T – Sinh ngày: 17/11/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung Trần Quốc N và Trần Phương K đã đủ 18 tuổi nên thích sống với cha hay mẹ là do các con quyết định nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Ngày 09/4/2024 ông Trần Văn Công Bằng đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 244318, số vào sổ cấp GCN CTs 240133 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/06/2022 cho bà Lê Thị T. Ngày 26/01/2024 bà Lê Thị T tặng cho ông Trần Quốc Nam – Sinh năm 2000 và bà Trần Phương Kiều – Sinh năm 2002 theo hồ sơ số 274516.TA.001.

HĐXX thấy việc rút đơn của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và được chấp nhận nên HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N về việc chia tài sản chung đối với bà Lê Thị T.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn N xác định không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét cho bà T được ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Quốc T – Sinh ngày: 17/11/2010 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N.

Về nợ chung không đề cập giải quyết

Xét thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì:

Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí HNGĐ-ST.

Bị đơn ông Trần Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217 và điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Trần Văn N.

**2.** Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Quốc T – Sinh ngày: 17/11/2010 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 5.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Trần Quốc N và Trần Phương K đã đủ 18 tuổi nên thích sống với cha hay mẹ là do các con quyết định.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận, thì người phải thi hành án phải chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**3. Về quan hệ tài sản chung:** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với bà Lê Thị T về việc chia tài sản chung đối với nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 244318, số vào sổ cấp GCN CTs 240133 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/06/2022 cho bà Lê Thị T.

Ngày 26/01/2024 bà Lê Thị T tặng cho ông Trần Quốc N – Sinh năm 2000 và bà Trần Phương K – Sinh năm 2002 theo hồ sơ số 274516.TA.001.

**4. Về nợ chung:** Không có

**5. Án phí HNGĐ-ST:** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008789 ngày 22/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Tuyết đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

**6. Án phí cấp dưỡng:** Ông Trần Văn N phải chịu là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà ông Nhật đã nộp là 16.000.000đ theo biên lai thu số 8866 ngày 21/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông N đã nộp đủ án phí cấp dưỡng.

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn N số tiền là 15.700.000đ.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 3.000.000đ ông Trần Văn N phải chịu. Ông Trần Văn N đã nộp đủ và chi xong.

Chi phí thẩm định giá tài sản là 7.560.000đ ông Trần Văn N phải chịu. Ông Trần Văn N đã nộp đủ và chi xong.

**7. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.



**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND thành phố Đà Nẵng  
(Giấy CNKH số: 52 quyền số IV ngày 08/3/2011);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Ba**



**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê  
Thành phố Đà Nẵng  
(Giấy CNKH số: 37 ngày 26/4/2019);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Ba**

